TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 128/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 09/ 12/2021
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hữu Thư; bà Triệu Thị Tình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C*: Bà Trần Thị Dương– Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2021,về tranh chấp *" Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐ XXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 18/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị A – Sinh năm: 1999.

Trú tại: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc A - Sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn G, xã C, huyện C,tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị A trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc A được tự do tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai gia đình anh chị tổ chức cưới vào ngày 01/4/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được một cháu gái, đến năm 2019 vợ chồng đi làm ăn ở tỉnh Bắc Ninh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau với lý do anh A có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H sinh ngày 25/6/2018. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi thành niên không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc A trong bản tự khai ngày 09/11/2021 trình bày : Anh và chị Cao Thị A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 29/3/2018. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên mặc dù hai vợ chồng đều đi làm cùng một công ty ở Bắc Ninh, nhưng không sống chung với nhau. Nay chị A làm đơn xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H- sinh ngày 25/6/2018, anh nhất trí giao cháu H cho chị A nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị A sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện tình hình dịch COVID-19 phức tạp, anh đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, nên Công ty không cho nghỉ nhiều ngày để về giải quyết được, nên anh đề nghị giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Cao Thị A và anh Phạm Ngọc A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không báo cáo chính quyền.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho chị Cao Thị A được ly hôn anh Phạm Ngọc A; Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.Về án phí: chị A phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Cao Thị A làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Ngọc A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn G, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3].Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/11/2021, đến ngày 08/12/2021 anh có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Phạm Ngọc A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Cao Thị A và anh Phạm Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình.Trong quá trình chung sống, giữa chị A và anh A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Cao Thị A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H – sinh ngày 25/6/2018. Chị A có nguyện vọng được nuôi con. Xét cháu Phạm Gia H đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Chị A không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có , không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Cao Thị A. Xử cho chị Cao Thị A được ly hôn anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H – sinh ngày 25/6/2018. Giao chị Cao Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến đủ tuổi thành niên. Anh Phạm Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị A.

Anh Phạm Ngọc A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Cao Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số A A/2021/ 0010211, ngày 13/4/ 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh